

Trần Đình Long, Nguyễn Thị Chinh, Nguyễn Văn Thắng, Hoàng Minh Tâm, Trần Thị Trường, Nguyễn Tấn Hinh, Nguyễn Văn Lâm, Lê Khả Tường và cs., 2006. “Kết quả nghiên cứu và phát triển đậu đỗ giai đoạn 2001- 2005”. *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp 2001-2005*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, tr.268- 277.

Trần Đình Long, Lê Khả Tường, 1998. *Cây đậu xanh*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.

Nguyễn Ngọc Quát, 2008. *Nghiên cứu phát triển một số dòng đậu xanh triển vọng cho vùng đồng bằng sông Hồng*. Luận văn Thạc sỹ nông nghiệp.

Matsunaga, R.A. hamid and A. Hashenn, 1988. *Seasonal distribution of flowering and pod set of mungbean in difference season in Bangladesh*. Mungbean proceeding of the 2nd int, Symp, Bangkok, Thailand, AVRDC.

## Development of mungbean production for changing of cropping pattern in arid area

Hoang Tuyen Phuong, Le Quoc Thanh

### Abstract

From 2013 to 2015, the Center for Technology Development and Agricultural Extension has implemented the project “Development of a mungbean production pilot in major growing areas”. Result of the project has successfully introduced 6 new mungbean varieties with high yield, good quality to farmers. The average yield of these varieties reached 17.0 kg/ha, which was higher than that of popular production by 28.1% and the income was from 52.8 to 55.6 million VND/ha. Mungbean position was confirmed in comparison with other crops grown in the same cropping system, especially in drought condition due to the climate change.

**Key words:** Mungbean, drought, changing of cropping pattern

Ngày nhận bài: 10/7/2016

Người phản biện: TS. Nguyễn Thị Chinh

Ngày phản biện: 19/7/2016

Ngày duyệt đăng: 26/7/2016

## HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA MÔ HÌNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CANH TÁC TỔNG HỢP TRONG SẢN XUẤT MÀU XUÂN HÈ Ở VINH CHÂU, SÓC TRĂNG

Trịnh Thanh Thảo<sup>1</sup>, Trần Thị Kiều Trang<sup>1</sup>,  
Trịnh Quang Khương<sup>1</sup>, Trần Thị Ngọc Huân<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Mô hình trình diễn được thực hiện trên diện tích 27,92 ha với 42 nông dân tham gia trồng đậu xanh và hành tím giống áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp bao gồm: (i) Bón phân theo quy trình trồng đậu xanh, hành tím giống giảm bớt lượng phân hóa học (15-20%), bổ sung phân hữu cơ sinh học (150-500 kg/ha); (ii) Phòng trừ sâu bệnh: IPM kết hợp với sử dụng thuốc trừ sâu sinh học. Kết quả cho thấy mỗi ha áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp trên cây đậu xanh đã gia tăng năng suất được 183 kg đậu, tăng tổng thu được 5,133 triệu đồng/ha (9,9%), giảm tổng chi phí 840 ngàn đồng/ha, giá thành giảm 1.880 đồng/kg (11,5%), lợi nhuận tăng so với biện pháp canh tác truyền thống của nông dân là 5,973 triệu đồng/ha (27,7%). Đối với hành tím giống, mỗi ha áp dụng biện pháp kỹ thuật canh tác tổng hợp đã giúp gia tăng năng suất được 377 kg hành giống, tăng tổng thu 6,215 triệu đồng/ha (3,8%), giảm tổng chi phí 1,183 triệu đồng/ha, giá thành giảm 480 đồng/kg (4,8%) và tăng lợi nhuận so với biện pháp canh tác truyền thống của nông dân là 7,398 triệu đồng/ha (11,3%).

**Từ khóa:** Biện pháp canh tác của nông dân, biện pháp canh tác tổng hợp, phân bón hữu cơ sinh học, thuốc trừ sâu sinh học

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhằm góp phần hạn chế thoái hóa đất, giảm nhẹ tác động bất lợi của hạn mặn, suy giảm mực nước ngầm đến sản xuất cây màu, góp phần sử dụng tài nguyên đất, nước hiệu quả và bền vững trên vùng

đất giống cát Vinh Châu, Sóc Trăng. Mô hình sản xuất màu Xuân Hè 2016 áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp đảm bảo tăng lợi nhuận cho nông dân 10-15% so với biện pháp canh tác truyền thống được triển khai thực hiện (Trần Thị Ngọc Huân, 2015).

<sup>1</sup> Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long

## II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Mô hình trình diễn

Thiết kế mô hình trình diễn trên diện rộng với 02 kiểu canh tác áp dụng:

- Kỹ thuật canh tác truyền thống của nông dân (ND): Bón phân theo truyền thống của nông dân: Sử dụng phân hóa học gồm phân Urê, DAP, NPK (16-16-8-13 S), và KCl, không sử dụng phân hữu cơ sinh học; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) hóa học phổ biến.

- Mô hình áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp (MH), cụ thể như sau:

Bón phân theo quy trình trồng đậu xanh, hành

tím giống giảm bớt lượng phân hóa học 15-20% và bổ sung phân hữu cơ sinh học (150 -500 kg/ha) (Bảng 1).

Phòng trừ sâu bệnh: IPM kết hợp với sử dụng thuốc trừ sâu sinh học có hoạt chất Amamectin, Emamectin như Prolaim 1,9EC; Dipel 6,4DF, Xentari 15FC... luân phiên với thuốc đặc trị có hoạt chất Propined, Difenconazole, Azoxystrobin,...

- Tổng diện tích mô hình mùa Xuân Hè 2016 thực tế triển khai là 27,92 ha trong đó khóm Vĩnh Bình là 10 ha, Cà Lăng A là 9,34 ha, Cà Săng là 8,58 ha. Tổng cộng có 18 hộ của 3 khóm tham gia mô hình đậu xanh (11,88 ha) và 24 hộ tham gia mô hình sản xuất hành tím giống Xuân Hè 2016 (16,04 ha).

**Bảng 1.** Lượng dinh dưỡng cung cấp (kg/ha) cho cây đậu xanh và hành tím giống Xuân Hè 2016 giữa MH áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp và kỹ thuật canh tác của nông dân

Dinh dưỡng (kg/ha)	Đậu xanh			Hành tím giống		
	MH (1)	ND (2)	Chênh lệch (1-2)	MH (1)	ND (2)	Chênh lệch (1-2)
N	50,3	63,4	-13,1	119,0	154,3	-35,3
P <sub>2</sub> O <sub>5</sub>	46,1	59,9	-13,8	81,0	116,7	-35,7
K <sub>2</sub> O	53,9	59,9	-6,0	61,3	70,0	-8,7
HCSH	150,0	0,0	150,0	500,0	333,3 <sup>a</sup>	166,7
Vôi	200,0	300,0	-100,0	500,0	500,0	0,0
S	-	-	-	34,7	32,5	2,2

<sup>a</sup> Cà Săng và Vĩnh Bình sử dụng phân hữu cơ sinh học Hudavil, Cà Lăng A sử dụng phân tôm cho hành tím giống với liều lượng 1 tấn/ha.

### 2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu năng suất đậu xanh, hành tím giống của 2 biện pháp canh tác theo mô hình (MH) và theo nông dân (ND). Mỗi điểm/hộ nông dân lấy 3 khung 2m<sup>2</sup> (1m x 2m), phơi khô cân trọng lượng và quy ra năng suất (tấn /ha). Tính toán hiệu quả kinh tế của sản xuất đậu xanh và hành tím giống theo phương pháp phân tích lợi nhuận chi phí. Xử lý thống kê số liệu theo chương trình SPSS 16.05 và sử dụng phép thử T.

## III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Ảnh hưởng của các biện pháp canh tác tổng hợp đến năng suất của đậu xanh và hành tím giống Xuân Hè 2016

#### 3.1.1. Ảnh hưởng của các biện pháp canh tác tổng hợp đến năng suất đậu xanh

Kết quả trình bày trong bảng 2 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về năng suất đậu xanh giữa lô áp dụng biện pháp quản lý tổng hợp (MH) so với biện pháp canh tác truyền thống của nông dân (ND). Lô mô hình đạt cao hơn từ 170 kg/ha đến 200 kg/ha so với kỹ thuật canh tác của nông dân, tương đương 8,4 -16,6%. Giữa 3 khóm, năng suất đậu xanh ở Cà Săng và Vĩnh Bình đạt cao hơn, trung bình đạt 2,34 tấn/ha và 2,15 tấn/ha ở lô mô hình, trong khi khóm Cà Lăng A chỉ đạt năng suất trung bình của 6 hộ là 1,63 tấn/ha. Trung bình của 18 hộ tham gia Mô hình canh tác đậu xanh áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp năng suất đạt được 2,04 t/ha, cao hơn lô nông dân có ý nghĩa với mức chênh lệch là 183 kg đậu/ha.

**Bảng 2.** So sánh ảnh hưởng của biện pháp canh tác tổng hợp trong mô hình đến năng suất đậu xanh Xuân Hè 2016

Đơn vị tính: tấn hạt/ha

Số hộ nông dân	Cà Săng (8 hộ)		Cà Lăng A (6 hộ)		Vĩnh Bình (4 hộ)		Trung bình 3 khóm (18 hộ)	
	MH	ND	MH	ND	MH	ND	MH	ND
1	2,56	2,38	1,21	1,08	2,18	2,03	1,98	1,83
2	2,18	2,02	1,57	1,42	2,34	2,13	2,03	1,86
3	2,34	2,14	1,34	1,02	1,84	1,68	1,84	1,61
4	2,36	2,09	1,46	1,38	2,23	2,05	2,02	1,84
5	2,45	2,17	2,12	1,98			2,29	2,08
6	1,63	1,48	2,08	1,87			1,86	1,68
7	2,64	2,37					2,64	2,37
8	2,58	2,46					2,58	2,46
Trung bình	2,34	2,14	1,63	1,46	2,15	1,97	2,04	1,86
Ttest	0,0003**		0,004*		0,0009**		0,001**	

**3.1.2. Ảnh hưởng của các biện pháp canh tác tổng hợp đến năng suất hành tím giống**

**Bảng 3.** So sánh ảnh hưởng của biện pháp canh tác tổng hợp trong mô hình đến năng suất hành tím giống XH2016

Đơn vị tính: tấn củ hành/ha

Số hộ nông dân	Cà Săng (5 hộ)		Cà Lăng A (8 hộ)		Vĩnh Bình (11 hộ)		Trung bình 3 khóm (24 hộ)	
	MH	ND	MH	ND	MH	ND	MH	ND
1	11,57	11,02	10,36	10,13	10,56	10,25	10,83	10,47
2	9,74	9,08	11,42	11,04	9,54	9,23	10,23	9,78
3	10,53	10,00	10,51	10,24	10,84	10,34	10,63	10,19
4	10,46	10,12	10,37	10,03	10,37	10,05	10,40	10,07
5	10,85	10,30	9,52	9,35	9,23	9,00	9,87	9,55
6			9,31	9,12	10,86	10,34	10,09	9,73
7			10,35	10,31	11,05	10,52	10,70	10,42
8			8,24	8,05	10,32	10,14	9,28	9,10
9					11,26	10,83	11,26	10,83
10					9,45	9,24	9,45	9,24
11					8,78	8,17	8,78	8,27
Trung bình	10,63	10,10	10,01	9,78	10,21	9,84	10,28	9,91
Ttest	0,0005**		0,0005**		0,0000**		0,0000**	

Năng suất hành tím giống vụ màu Xuân Hè 2016 trong lô mô hình đạt cao hơn từ 230 kg/ha đến 530 kg/ha so với kỹ thuật canh tác của nông dân. Tuy nhiên, so với các năm trước năng suất hành tím giống năm nay thấp hơn rất nhiều do hạn hán kéo dài, thời tiết không thuận lợi, cá biệt có những hộ đạt năng suất rất thấp chỉ xấp xỉ 8 tấn/ha như ở Cà Lăng A và Vĩnh Bình trên

lô nông dân. Kết quả trình bày trong bảng 3 cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa về năng suất hành tím giống giữa lô áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp (MH) so với biện pháp canh tác truyền thống của nông dân (ND). Trung bình của 5 hộ, năng suất hành tím giống của khóm Cà Săng đạt cao nhất 10,63 tấn/ha; kể đến là Vĩnh Bình, trung bình của 11 hộ năng suất hành tím giống đạt 10,21

tấn/ha, trong khi khóm Cà Lãng A chỉ đạt năng suất trung bình của 8 hộ là 10,01 tấn/ha ở lô MH. Trung bình của 24 hộ tham gia Mô hình canh tác hành tím giống áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp năng suất đạt được 10,28 t/ha, cao hơn lô nông dân chỉ đạt 9,91 t/ha, chênh lệch 377 kg hành giống/ha với mức ý nghĩa 1% (Bảng 3).

### 3.2. So sánh hiệu quả kinh tế của sản xuất đậu xanh và hành tím giống Xuân Hè 2016 trong mô hình nhân rộng áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp

#### 3.2.1. Hiệu quả kinh tế của mô hình canh tác đậu xanh áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp vụ Xuân Hè 2016

Kết quả thực hiện mô hình áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp trong vụ màu Xuân Hè 2016 trên cây đậu xanh ở 3 khóm Vĩnh Bình, Cà Lãng A và Cà Săng cho thấy chênh lệch trong lợi nhuận giữa 2 chế độ canh tác theo mô hình của dự án và theo kỹ thuật của nông dân khá lớn: thấp nhất ở Cà Lãng A cũng đạt được 5,69 triệu đồng/ha, kể đến là Vĩnh Bình chênh lệch lợi nhuận đạt được là 6,00 triệu

đồng/ha và cao nhất ở Cà Săng là 6,23 triệu đồng/ha. Chênh lệch lợi nhuận giữa 2 biện pháp canh tác này chủ yếu đóng góp từ hiệu quả của giải pháp kỹ thuật bón phân trong mô hình dự án mang lại, việc tăng cường bón phân hữu cơ sinh học và giảm lượng phân hóa học giúp tiết kiệm chi phí phân bón và sử dụng thuốc sinh học giúp giảm chi phí thuốc BVTV. Mô hình đạt năng suất cao hơn 170-200 kg/ha, tổng thu cao hơn từ 4,76 triệu đồng/ha đến 5,60 triệu đồng/ha. Chi phí phân bón trong mô hình giảm từ 130-460 ngàn đồng/ha so với biện pháp bón phân của nông dân. Chi phí thuốc BVTV tiết kiệm được từ 500 ngàn đồng đến 570 ngàn đồng/ha. Tổng chi phí tiết kiệm được giữa 2 biện pháp canh tác biến thiên từ 630 ngàn đồng/ha đến 960 ngàn đồng/ha (giảm 2,0% đến 3,3% chi phí); tuy giảm tổng chi phí không nhiều (trung bình chỉ 2,8%) nhưng lợi nhuận gia tăng khá cao đạt 22,4% ở Cà Săng, 24,5 % ở Vĩnh Bình và 45,4% ở Cà Lãng A, trung bình của 18 hộ là 27,7%. Ngoài ra, giá thành sản xuất đậu xanh giảm đáng kể từ 1.550 đồng/kg đến 2.600 đồng/kg, trung bình giảm 1.880 đồng/kg (Bảng 4).

**Bảng 4.** Hiệu quả kinh tế của mô hình áp dụng biện pháp kỹ thuật canh tác tổng hợp sản xuất đậu xanh và hành tím giống Xuân Hè 2016 ở Phường 2, TX Vĩnh Châu, Sóc Trăng

Chỉ tiêu so sánh	Đậu xanh (18 hộ)			Hành tím giống (24 hộ)		
	MH (1)	ND (2)	Chênh lệch (1-2)	MH (3)	ND (4)	Chênh lệch (3-4)
Năng suất (kg/ha)	2.040	1.857	183	10.283	9.907	377
Tổng thu (1.000 đ/ha) <sup>1</sup>	57.120	51.987	5.133	169.675	163.460	6.215
Giống (1.000 đ/ha) <sup>1</sup>	1.400	1.400	0	36.000	36.000	0
Sữa liếp, dặm chân luống (1.000 đ/ha)	3.900	3.900	0	3.900	3.900	0
Xuống giống (1.000 đ/ha)	2.567	2.567	0	5.397	5.397	0
Tưới nước (1.000 đ/ha)	5.200	5.200	0	19.033	19.033	0
Làm cỏ (1.000 đ/ha)	2.083	2.083	0	3.835	3.835	0
Phân bón (1.000 đ/ha)	4.300	4.617	-317	9.667	10.500	-833
Thuốc BVTV (1.000 đ/ha)	2.740	3.263	-523	3.828	4.178	-349
Thu hoạch (1.000 đ/ha)	4.767	4.767	0	8.880	8.880	0
Phoi, vận chuyển (1.000 đ/ha)	2.600	2.600	0	6.443	6.443	0
Tổng chi (1.000 đ/ha)	29.557	30.397	-840	96.983	98.166	-1.183
Lợi nhuận (1.000 đ/ha)	27.563	21.590	5.973	72.692	65.294	7.398
Giá thành (1.000 đ/ha)	14,49	16,37	-1,88	9,43	9,91	-0,48

Ghi chú: Giá đậu xanh giống =70.000 đ/kg, Giá đậu xanh bán 28.000 đ/kg; Giá hành tím giống =12.000 đ/kg; Giá hành bán 16.500 đ/kg (tháng 5/2016).

Như vậy, trung bình 1 ha mô hình trình diễn áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp trên cây đậu xanh đã gia tăng lợi nhuận so với biện pháp canh tác truyền thống của nông dân 3 khóm là 5,973 triệu đồng/ha. Tổng của 11,88 ha của 18 hộ, mô hình canh tác đậu xanh Xuân Hè 2016 luân canh sau vụ hành tím mùa ở Vinh Châu đã đem lợi cho cộng đồng xấp xỉ 70,96 triệu đồng.

### 3.2.2. Hiệu quả kinh tế của mô hình canh tác hành tím giống áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp vụ Xuân Hè 2016

Kết quả thực hiện mô hình canh tác hành tím giống áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp vụ Xuân Hè 2016 ở 3 khóm của Phường 2, thị xã Vinh Châu cho thấy chênh lệch trong lợi nhuận giữa 2 chế độ canh tác từ 4,515 triệu đồng/ha ở khóm Cà Lãng A, 7,283 triệu đồng/ha ở Vinh Bình và cao nhất là 10,395 triệu đồng/ha ở Cà Săng. Trong đó hiệu quả đầu tư của các giải pháp kỹ thuật trong mô hình mang lại rất rõ, chủ yếu ở khâu tiết kiệm chi phí phân bón và thuốc bảo vệ thực vật: Chi phí phân bón trong mô hình thấp hơn so với kỹ thuật của ND trung bình là 500 ngàn đồng/ha đến 1 triệu đồng/ha (do Mô hình có bón bổ sung 500 kg/ha phân hữu cơ sinh học, nhưng giảm khoảng 20% phân hóa học). Chi phí thuốc BVTV tiết kiệm được từ 178 ngàn đồng đến 650 ngàn đồng/ha do sử dụng thuốc sinh học Prolaim 1.9 EC với hoạt chất Emamectin vừa có hiệu quả phòng trừ cao vừa có tác dụng lâu dài. Tổng chi phí tiết kiệm được giữa hai chế độ canh tác áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp và theo ND trong vụ hành tím giống biến thiên từ 720 ngàn đồng/ha ở Cà Lãng A (giảm 0,7% chi phí), đến 1,178 triệu đồng/ha ở Vinh Bình (giảm 1,2% chi phí) và tiết kiệm chi phí nhiều nhất là 1,650 triệu đồng/ha ở Cà Săng, giảm 1,7%. Kết hợp với giảm chi phí 1,2% như phân tích trên, gia tăng lợi nhuận trong mô hình đã thể hiện rõ sự khác biệt với mức gia tăng lợi nhuận đạt được là 7,2% ở Cà Lãng A, 11,2% ở Vinh Bình và 15,3% ở Cà Săng. Trung bình của 24 hộ, gia tăng lợi nhuận được 11,3%; tuy nhiên mức tăng lợi nhuận này không cao

lắm so với các năm trước do năng suất hành tím giống năm nay bị ảnh hưởng của thời tiết bất thuận một phần.

Tóm lại, trung bình 1 ha mô hình sản xuất hành tím giống Xuân Hè 2016, áp dụng biện pháp kỹ thuật canh tác tổng hợp đã giúp gia tăng năng suất được 377 kg hành giống/ha, tăng tổng thu được 6,215 triệu đồng/ha (3,8%), giảm tổng chi phí là 1,183 triệu đồng/ha (giảm 1,2%) và tăng lợi nhuận so với biện pháp canh tác truyền thống của nông dân 3 khóm là 7,398 triệu đồng (11,3%) (Bảng 4). Tổng của 16,04 ha của 24 hộ tham gia mô hình canh tác hành tím giống 2016 áp dụng biện pháp tổng hợp đã đem lợi cho cộng đồng được 118,66 triệu đồng.

## IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### 4.1. Kết luận

Mô hình áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp vụ màu Xuân Hè 2016 ở Vinh Châu đã gia tăng năng suất đậu xanh và hành tím giống, giảm chi phí và giá thành, gia tăng lợi nhuận cho nông dân 27,7% trên đậu xanh và 11,3% trên hành tím giống so với kỹ thuật canh tác của nông dân. Trung bình 1 ha mô hình trình diễn áp dụng biện pháp canh tác tổng hợp đã gia tăng lợi nhuận 6,686 triệu đồng. Tổng của 27,92 ha mô hình nhân rộng vụ màu Xuân Hè 2016 đã đem lợi cho cộng đồng được 189,62 triệu đồng.

### 4.2. Đề nghị

Cần tiếp tục phát triển các mô hình luân canh cây màu ứng dụng đầy đủ các biện pháp canh tác tổng hợp, tăng cường tập huấn, hội thảo, chuyển giao các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến nhằm nâng cao hơn nữa năng lực canh tác cho nông dân trong vùng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trần Thị Ngọc Huân, 2015. Dự án UNDP-GEF/SGP “Tiếp tục hoàn thiện và chuyển giao các Mô hình canh tác sử dụng tài nguyên đất, nước hiệu quả để duy trì sản xuất hành tím hàng hóa bền vững trên vùng đất giống cát ở Vinh Châu, Sóc Trăng (2015-2017)”.

## Economic efficiency of integrated management practices in spring-summer upland crop cultivation in Vinh Chau, Soc Trang

Trinh Thanh Thao, Tran Thi Kieu Trang,  
Trinh Quang Khuong, Tran Thi Ngoc Huan

### Abstract

The demonstration pilots of integrated management practices (IMPs) in 2016 Spring-Summer upland crops were conducted in 27.92 ha with the participation of 42 farmers who grown mungbean and seed-onion in Vinh Chau, Soc Trang. The integrated management practices included: (i) Fertilizer application were reduced the dose of chemical fertilizers (15-20%) and added bio-organic fertilizers (150-500 kg/ha); (ii) Pest control was used IPM combined with

alternative use of bio-pesticides with specific chemical pesticides. The results showed that the model applied above IMPs increased the grain yield of mungbean 183 kg, the total income of 5.133 million VND (9.9%), reduced total cost of 840 thousand VND and cost price reduction of 1,880 VND/kg (11.5%) per ha. The profit difference between the IMPs and farmer's management practices (FMP) of mungbean was 5.973 million VND (27.7%). For seed-onion model, application of IMP got an increase of 377 kg onion-seed/ha. Total income increased 6.215 million VND/ha (3.8%). Total cost reduced 1.183 million VND/ha and 480 VND/kg (4.8%) of cost price reduction. The profit increased 7.398 million VND/ha (11.3%) compared with FMP.

**Key words:** Bio-organic fertilizers, Bio-pesticides, Farmer's management practices (FMP), Integrated management practices (IMPs)

Ngày nhận bài: 15/7/2016  
Người phản biện: TS. Vũ Tiến Khang

Ngày phản biện: 21/7/2016  
Ngày duyệt đăng: 26/7/2016

## HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH NÔNG HỘ TRONG CÁC CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN CHỦ LỰC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Võ Thị Thanh Lộc<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Hiệu quả tài chính nông hộ trong các chuỗi giá trị nông sản chủ lực vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2015 dựa vào 1.937 quan sát mẫu từ các ngành hàng lúa gạo, cá tra, tôm, xoài và thanh long. Nghiên cứu này nhằm cung cấp thông tin về sự khác biệt thu nhập, lợi nhuận, tiết kiệm và tỷ suất lợi nhuận của nông hộ giữa các chuỗi ngành hàng và trong mỗi ngành hàng làm cơ sở cho chính phủ và chính quyền địa các cấp có những cải tiến chính sách hoặc xây dựng chính sách mới để đầu tư và phát triển phù hợp hơn đối với từng ngành hàng. Kết quả nghiên cứu cho thấy nông hộ sản xuất lúa có thu nhập/người, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận thấp nhất; hộ nuôi cá tra thua lỗ do giá bán thấp hơn giá thành trong nhiều thời điểm của năm 2015; hộ nuôi tôm, trồng xoài và thanh long có các chỉ tiêu trên ổn định hơn mặc dù ảnh hưởng nhiều bởi biến đổi khí hậu như nắng hạn, mưa lớn kéo dài và xâm nhập mặn sâu.

**Từ khóa:** Nông hộ, lợi nhuận, thu nhập

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) không chỉ là vựa lúa quốc gia mà còn là nơi sản xuất thủy sản nói chung, cá tôm nói riêng và cây ăn trái lớn nhất Việt Nam. Năm 2015 mặc dù sản xuất nông, lâm, thủy sản phải đối mặt với nhiều khó khăn, hiện tượng El Nino cường độ mạnh, kéo dài gây nên tình trạng nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn sớm và sâu ở ĐBSCL nhưng tổng sản lượng của vùng vẫn đạt 25,7 triệu tấn (chiếm 56,9% sản lượng lúa cả nước), sản lượng thủy sản đạt hơn 3,516 triệu tấn, trong đó sản lượng cá tra là 1,123 triệu tấn (tăng 0,4% so với năm 2014) và tôm là 474.803 tấn (tăng 3,2% đối với tôm sú và giảm 9% đối với tôm thẻ chân trắng) (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2015). Riêng cây ăn trái, toàn vùng ĐBSCL hiện có gần 300.000 ha cây ăn trái các loại, sản lượng khoảng 3,5 triệu tấn/năm (chiếm 38% về diện tích và 44% về sản lượng của cả nước) (Trung Tâm KNQG, 2015). Tuy nhiên, qua nhiều nghiên cứu về chuỗi giá trị nông sản vùng ĐBSCL như lúa

gạo, cá tra, tôm, xoài, thanh long, bưởi, khóm (dứa), nhãn, artemia và một số loại rau như ớt, hành tím,... cho thấy hiệu quả tài chính khác biệt lớn giữa các ngành hàng, giữa các nhân trong chuỗi giá trị, đặc biệt là khác biệt lớn về thu nhập, lợi nhuận và tiết kiệm của nông hộ. Mục tiêu nghiên cứu hiệu quả tài chính nông hộ trong các chuỗi giá trị nông sản chủ lực vùng ĐBSCL bao gồm (1) Phân tích tổng thu nhập và tổng lợi nhuận trong khâu sản xuất của nông hộ trong các chuỗi giá trị nông sản, (2) Phân tích thu nhập, lợi nhuận và tiết kiệm của nông hộ trong các chuỗi ngành hàng và (3) Phân tích tỷ suất lợi nhuận của nông hộ trong từng chuỗi ngành hàng và giữa các ngành hàng để làm cơ sở cho chính phủ và chính quyền địa phương các cấp có những cải tiến chính sách hoặc phát triển chính sách mới thúc đẩy đầu tư phát triển phù hợp hơn và ưu tiên hơn đối với từng ngành hàng nhằm tăng giá trị gia tăng nói chung và cải thiện thu nhập nông hộ nói riêng.

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Đại học Cần Thơ